

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 18 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2025

V/v: “Tranh chấp không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “ Tranh chấp không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS, ngày 04/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Dương Văn C**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2024, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà Trần Thị M và ông Dương Văn C kết hôn vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng vợ chồng có 02 con chung tên Dương Kiều T sinh ngày 17/02/2002 và Dương Minh T1, sinh ngày 13/09/2003 hiện đã trưởng thành. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa bà M và ông C không phải là vợ chồng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/02/2025 bị đơn ông Dương Văn C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn cũng như về con chung. Về tài sản chung có 01 căn nhà cấp 4. Nay bà M yêu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa bà M và ông C không phải là vợ chồng thì ông C cũng đồng ý, về con chung con theo ai người đó nuôi. Về tài sản chung ông C không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị tuyên bố quan hệ giữa bà Trần Thị M và ông Dương Văn C không phải là vợ chồng, về con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung, yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết, về nợ chung không có.

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông C và bà M theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- *Về hôn nhân:*

Ông Dương Văn C và bà Trần Thị M tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng ông bà không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi đám cưới thì vợ chồng sống với nhau được một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và sống không hạnh phúc, lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì vậy nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy, do ông C và bà M không có đăng ký kết hôn và nay xảy ra tranh chấp thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định “nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Nay bà M có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông C, theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của luật này, nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, 16 của luật này*”.

Như vậy, căn cứ theo quy định trên thì về quan hệ hôn nhân, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Văn C và bà Trần Thị M.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống ông C và bà M có 02 con chung là cháu Dương Kiều T sinh ngày 17/02/2002 và Dương Minh T1, sinh ngày 13/09/2003 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- *Về nợ chung*: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M.

- *Về hôn nhân*: Tuyên bố quan hệ giữa ông Dương Văn C và bà Trần Thị M không phải là vợ chồng.

- *Về con chung*: Con chung là cháu Dương Kiều T sinh ngày 17/02/2002 và Dương Minh T1, sinh ngày 13/09/2003 hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0000239, ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

